TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 12 - 2022
V/v ly hôn giữa chị Vân A và A T

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải A

Bà Phạm Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa: Bà T Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, trA chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Vân A, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tằm DA, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: A Đoàn Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 31, phân trại số 6, trại giam ThA Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh ThA Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2022, bản tự khai ngày 06/10/2022 nguyên đơn chị Hoàng Thị Vân A trình bày: Chị và A Đoàn Văn T tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn ngày 24/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, sau đó chị phát hiện A T có sử dụng ma túy, chị và gia đình khuyên ngăn nhưng A T không nghe. Đến tháng 3/2019 A T bị bắt giam và bị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện A T đang chấp hành án tại: Đội 18, phân trại số 6, trại giam ThA

Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh ThA Hoá. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với A T được nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn A Đoàn Văn T

Về nuôi con chung: Giữa chị và A T có 01 con chung là Đoàn Đăng K, sinh ngày 27/5/2018, đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu A T phải cấp dưỡng, vì hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty điện tử Luxshare ở Bắc Giang có thu nhập hằng tháng 07 triệu đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và A T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2022 bị đơn A Đoàn Văn T trình bày: A và chị Hoàng Thị Vân A quen biết và tìm hiểu nhau 03 năm, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 01 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng do A ham chơi, xa ngã vào tệ nạn xã hội. Đến ngày 02/3/2019 A bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Nay A đang phải chấp hành án tù không có thời gian chăm sóc vợ và con, A nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa A và chị Vân A đã nguội lạnh, không thể đoàn tụ được nữa. Do vậy, A đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho A được ly hôn với chị Hoàng Thị Vân A.

Về nuôi con chung: A và chị Vân A có 01 con chung là Đoàn Đăng K, sinh ngày 27/5/2018, đang ở với mẹ, khi ly hôn A đồng ý giao con cho chị Hoàng Thị Vân A nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Vân A và A Đoàn Văn T

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Đăng K, sinh ngày 27/5/2018 cho chị Hoàng Thị Vân A tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vân A không yêu cầu A T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí DSST: Chị Hoàng Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Vân A và A Đoàn Văn T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Vân A và A Đoàn Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 24/01/2017, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do A T chơi bời, không tu trí làm ăn, dẫn đến vi phạm pháp luật, năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", hiện A T đang chấp hành án tù tại trại giam ThA Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh ThA Hoá. Nay chị Vân A và A T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị Vân A và A T không hạnh phúc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn A Đoàn Văn T của chị Hoàng Thị Vân A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Đăng K, sinh ngày 27/5/2018, đang ở với chị Vân A. Khi giải quyết ly hôn xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị Vân A có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu A T phải cấp dưỡng. A T nhất trí giao con chung cho chị Vân A nuôi dưỡng. Ý kiến của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là cháu Đoàn Đăng K cho chị Vân A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chập nhận sự tự nguyện của chị Vân A, không yêu cầu A T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Chị Hoàng Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Vân A và A Đoàn Văn T

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là Đoàn Đăng K, sinh ngày 27/5/2018 cho chị Hoàng Thị Vân A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vân A không yêu cầu A T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Hoàng Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Vân A đã nộp theo biên lai số 0004736 ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh